TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THỦY** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 24/2023/QĐST-HNGĐ	*Hương Thủy, ngày 21 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY- TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 72/2023/TLST-VDS ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Thanh L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Kiệt 108 đường Tôn Thất S, phường Thủy P, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên H.
- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989. Địa chỉ: Kiệt 108 đường Tôn Thất S, phường Thủy P, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên H.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Trần Thanh L và chị Nguyễn Thị L đăng ký kết hôn vào ngày 05/3/2010 tại Ủy ban nhân phường Thủy P, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên H trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Thanh L và chị Nguyễn Thị L là hợp pháp.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bình thường, vào năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Trần Thanh L và chị Nguyễn Thị L đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn giữa anh Trần Thanh L và chị Nguyễn Thị L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Thanh L và chị Nguyễn Thị L.

[2] Về con chung: Anh Trần Thanh L và chị Nguyễn Thị L có 03 người con chung tên là Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 16/7/2010; Trần Ngọc L, sinh ngày 24/02/2016 và Trần Quang L, sinh ngày 22/01/2023. Anh Trần Thanh L và chị Nguyễn Thị L thỏa thuận giao 03 người con chung cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) và anh Trần Thanh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu một tháng là 700.000 (Bảy trăm nghìn đồng) cho đến khi các cháu thành niên (Đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Anh Trần Thanh L và chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh L và chị Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Trần Thanh L và chị Nguyễn Thị L có 03 người con chung tên là Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 16/7/2010; Trần Ngọc L, sinh ngày 24/02/2016 và Trần Quang L, sinh ngày 22/01/2023. Anh Trần Thanh L và chị Nguyễn Thị L thỏa thuận giao 03 người con chung cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) và anh Trần Thanh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu một tháng là 700.000 (Bảy trăm nghìn đồng) kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thành niên (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Anh Trần Thanh L và chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Số tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm phải chịu là 300.000 đồng. Anh Trần Thanh L và chị Nguyễn Thị L mỗi người chịu 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng mà anh Trần Thanh L đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003832 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên H và số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng chị Nguyễn Thị L đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003833 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên H. Anh L và chị L đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TT Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- UBND phường Thủy Phương (ĐKKH ngày 05/3/2010);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Lê Thị Quý Vân